



BẢNG TÓM TẮT

CÁC CHỈ SỐ MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI CHO REDD+ CẤP TỈNH

PHẦN 1: KHUNG CHÍNH SÁCH - PHÁP LUẬT HỖ TRỢ THỰC HIỆN REDD+ CẤP TỈNH

PHẦN	Lĩnh vực đánh giá	Chỉ số	Các tiêu chí đánh giá	Câu hỏi		
I	PHẦN I KHUNG CHÍNH SÁCH - PHÁP LUẬT	1a	1a.01	Quy hoạch sử dụng đất của tỉnh đến 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	1a.01.00	Quy hoạch sử dụng đất và nội dung liên quan đến diện tích đất lâm nghiệp của tỉnh
I		1a	1a.02	Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020 của tỉnh	1a.02.01	Mục đích, nhiệm vụ liên quan đến quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, giảm cân bản tình trạng vi phạm pháp luật BVPTTR, làm mất rừng và suy thoái rừng
I		1a	1a.02		1a.02.02	Mục đích, nhiệm vụ liên quan đến phát triển rừng và nâng cao độ che phủ rừng
I		1a	1a.02		1a.02.03	Mục đích, nhiệm vụ liên quan đến tạo thêm việc làm từ lâm nghiệp
I		1a	1a.02		1a.02.04	Mục đích, nhiệm vụ liên quan đến góp phần xóa đói giảm nghèo
I		1a	1a.02		1a.02.05	Mục đích, nhiệm vụ liên quan đến nâng cao thu nhập từ nghề rừng
I		1a	1a.02		1a.02.06	Mục đích, nhiệm vụ liên quan đến tăng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng theo luật pháp/chính sách hiện hành
I		1a	1a.03	Kế hoạch chương trình tổng thể GD-GR toàn tỉnh	1a.03.00	Có/không?
I		1a	1a.03		1a.03.01	Nếu có, hình thức, diện tích và đối tượng được giao khoán
I		1a	1a.03		1a.03.02	Nếu có, kế hoạch GD-GR đối với từng loại rừng
I		1a	1a.04	Đề án /kế hoạch thu hồi đất rừng các lâm trường quốc doanh và giao lại cho đối tượng khác	1a.04.00	Có/không?

I	PHẦN I KHUNG CHÍNH SÁCH - PHÁP LUẬT	1a		1a.05	Kế hoạch/phương án đóng cửa rừng tự nhiên của tỉnh	1a.05.00	Có/không?
I		1a		1a.05		1a.05.01	Nếu có, phương án quản lý đối với rừng đóng cửa
I		1b	Mức độ lồng ghép và ưu tiên các nội dung liên quan đến QLVR và BDKH trong phát triển KT-XH	1b.01	Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH của tỉnh đến năm 2020	1b.01.01	Khía cạnh môi trường trong mục tiêu của hoạt động lâm nghiệp
I		1b		1b.01		1b.01.02	Khía cạnh kinh tế trong mục tiêu của hoạt động lâm nghiệp
I		1b		1b.01		1b.01.03	Khía cạnh xã hội trong mục tiêu của hoạt động lâm nghiệp
I		1b		1b.02	Kế hoạch hành động BVMT của tỉnh	1b.02.01	Ngăn chặn, giảm phá rừng, mất rừng và suy thoái rừng
I		1b		1b.02		1b.02.02	Bảo tồn và tăng cường trữ lượng carbon
I		1b		1b.02		1b.02.03	Quản lý bền vững tài nguyên rừng
I		1b		1b.02		1b.02.04	Bảo tồn đa dạng sinh học hệ sinh thái rừng
		1b		1b.03	Kế hoạch hành động ứng phó BDKH của tỉnh	1b.03.00	Có/không?
I		1b		1b.03		1b.03.01	Giảm tác động BDKH đến tài nguyên rừng
I		1b		1b.03		1b.03.02	Giảm phát thải khí nhà kính gây BDKH từ hoạt động lâm nghiệp
I		1b		1b.03	1b.03.03	Nâng cao khả năng thích ứng BDKH qua hoạt động lâm nghiệp	
I		1b		1b.04	Các chương trình, kế hoạch khác của tỉnh	1b.04.00	Nội dung QLVR và BDKH được lồng ghép
I		1b		1b.05	Rủi ro chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lâm nghiệp do các qy hoạch, kế hoạch phát triển của tỉnh	1b.05.01	Xây dựng thủy điện, đập thủy lợi
I		1b		1b.05		1b.05.02	Khai thác khoáng sản
I		1b		1b.05		1b.05.03	Mở rộng diện tích trồng cao su
I		1b		1b.05		1b.05.04	Mở rộng diện tích trồng cà phê, chè
I		1b		1b.05		1b.05.05	Mở rộng diện tích trồng sắn, mía
I		1b		1b.05		1b.05.06	Cơ sở hạ tầng (đường giao thông)
I	1b	1b.05		1b.05.07		Bố trí tái định cư/khu dân cư mới	
I	1b	1b.05	1b.05.08	Mở rộng đầm hồ nuôi tôm cá			
I	1b	1b.05	1b.05.09	Hoạt động dự án khác			

I	PHẦN I KHUNG CHÍNH SÁCH - PHÁP LUẬT	1c	Mức độ sẵn có và hiệu quả của các chính sách tài chính cho hoạt động lâm nghiệp	1c.01	Kinh phí hàng năm cho hoạt động lâm nghiệp của tỉnh	1c.01.01	Ngân sách trung ương
I		1c		1c.01		1c.01.02	Ngân sách địa phương
I		1c		1c.01		1c.01.03	Vốn ODA
I		1c		1c.01		1c.01.04	Vốn từ quỹ ủy thác (PFES)
I		1c		1c.01		1c.01.05	Đầu tư tư nhân
I		1c		1c.01		1c.01.06	Nguồn khác
I		1c		1c.02	Quỹ bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh và vai trò nguồn thu DVMTR đối với ngân sách chi BVPTR hàng năm	1c.02.00	Có/không?
I		1c		1c.02		1c.02.01	Quy mô của Quỹ BVPTR
I		1c		1c.02		1c.02.02	Đề nghị cho biết những thuận lợi, khó khăn chính trong huy động và chi trả kinh phí PFES
I		1c		1c.03	Chính sách thu hút đầu tư cho hoạt động lâm nghiệp	1c.03.00	Hiệu quả chính sách thu hút đầu tư cho hoạt động lâm nghiệp
I	PHẦN I KHUNG CHÍNH SÁCH - PHÁP LUẬT	1d	Vai trò của rừng và đất rừng trong đánh giá tác động môi trường	1d.01	Sự tham gia của các cơ quan lâm nghiệp trong hội đồng thẩm định ĐTM	1d.01.01	Sở NN-PTNT
I		1d		1d.01		1d.01.02	Chi cục kiểm lâm
I		1d		1d.01		1d.01.03	Chi cục lâm nghiệp
I		1d		1d.01		1d.01.04	Ban quản lý rừng
I		1d		1d.01		1d.01.05	Các công ty lâm nghiệp
I		1d		1d.01		1d.01.06	Phòng NN-PTNT, Hạt kiểm lâm
I		1d		1d.01		1d.01.07	Hội khoa học lâm nghiệp
I		1d		1d.01		1d.01.08	Các cơ quan/cá nhân chuyên gia lâm nghiệp
I		1d		1d.02	Sự tham gia của các cơ quan lâm nghiệp trong hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM của các dự án cụ thể	1d.02.01	Xây dựng thủy điện, đập thủy lợi
I		1d		1d.02		1d.02.02	Nhiệt điện hoặc các dự án năng lượng khác
I		1d		1d.02		1d.02.03	Khai thác khoáng sản
I		1d		1d.02		1d.02.04	Trồng cao su
I		1d		1d.02		1d.02.05	Trồng cà phê, chè
I		1d		1d.02		1d.02.06	Trồng sắn, mía
I		1d		1d.02		1d.02.07	Du lịch sinh thái
I		1d		1d.02		1d.02.08	Sản xuất công nghiệp cao (hoa, rau, củ)
I		1d		1d.02		1d.02.09	Xây dựng cơ sở hạ tầng

I		1d	1d.02		1d.02.10	Xây khu tái định cư
I		1d	1d.02		1d.02.11	Xây đê chắn sóng ven biển
I		1d	1d.02		1d.02.12	Mở rộng đầm nuôi trồng thủy sản ven biển
I		1d	1d.02		1d.02.13	Các loại dự án khác
I		1d	1d.03	Sự tham gia của các cơ quan lâm nghiệp trong quá trình lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho các dự án phát triển trên địa bàn tỉnh	1d.03.01	Sở NN-PTNT
I		1d	1d.03		1d.03.02	Chi cục kiểm lâm
I		1d	1d.03		1d.03.03	Chi cục lâm nghiệp
I		1d	1d.03		1d.03.04	Ban quản lý rừng
I		1d	1d.03		1d.03.05	Các công ty lâm nghiệp
I		1d	1d.03		1d.03.06	Phòng NN-PTNT, Hạt kiểm lâm
I		1d	1d.03		1d.03.07	Hội khoa học lâm nghiệp
I		1d	1d.03		1d.03.08	Các cơ quan/cá nhân chuyên gia lâm nghiệp

PHẦN 2 : HỆ THỐNG THỂ CHẾ VÀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ, BẢO VỆ RỪNG HỖ TRỢ THỰC HIỆN REDD+ CẤP TỈNH

PHẦN	Lĩnh vực đánh giá	Chỉ số	Các tiêu chí đánh giá	Câu hỏi		
II	PHẦN II HỆ THỐNG THỂ CHẾ VÀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ, BẢO VỆ RỪNG CẤP TỈNH	2a	2a.01	BCĐ thực hiện kết hoạch BVPTR 2011-2020	2a.01.00	Có/không?
II		2a	2a.02	Thành phần BCĐ (Vai trò, chức năng, nhiệm vụ)	2a.02.01	Lãnh đạo UBND tỉnh
II		2a	2a.02		2a.02.02	Đại diện các sở/ngành chuyên môn NNPTNT
					2a.02.03	Đại diện các sở/ngành chuyên môn khác
II		2a	2a.02		2a.02.04	Đại diện UBND các huyện
II		2a	2a.02		2a.02.05	Đại diện lực lượng vũ trang và tư pháp
II		2a	2a.02		2a.02.06	Đại diện các tổ chức xã hội
II		2a	2a.02		2a.02.07	Đại diện khối doanh nghiệp
II		2a	2a.02		2a.02.08	Đại diện các tổ chức cộng đồng địa phương
II		2a	2a.02		2a.02.09	Các cơ quan/cá nhân chuyên gia lâm nghiệp
II		2a	2a.03	Văn phòng thường trực	2a.03.00	Có/không?
II		2a	2a.03		2a.03.01	Hình thức hoạt động của văn phòng
II		2a	2a.04	Hiệu quả hoạt động BCĐ	2a.04.00	Đánh giá hiệu quả hoạt động và đề xuất điều chỉnh
II	PHẦN II HỆ THỐNG THỂ CHẾ VÀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ, BẢO	2b	2b.01	Các chủ rừng tại địa phương	2b.01.00	Thống kê các chủ rừng tại địa phương
II		2b	2b.01		2b.01.01	Mức độ công bố thông tin liên quan đến chủ rừng
II		2b	2b.02	Tình trạng thực hiện giao đất - giao rừng hiện tại	2b.02.00	Kết quả thực hiện GD-GR
II		2b	2b.02		2b.02.02	Mức độ công bố thông tin liên quan đến kết quả GD-GR
II		2b	2b.03	Các hình thức tổ chức phối hợp quản lý rừng ở địa phương	2b.03.01	Cơ chế đồng quản lý giữa chủ rừng và chính quyền địa phương
II		2b	2b.03		2b.03.02	Cơ chế đồng quản lý giữa chủ rừng và doanh nghiệp

II	VỀ RỪNG CẤP TỈNH	2b		2b.03		2b.03.03	Cơ chế đồng quản lý giữa chủ rừng và hộ gia đình/nhóm hộ
II		2b		2b.03		2b.03.04	Cơ chế đồng quản lý giữa chủ rừng và cộng đồng thôn
II		2b		2b.03		2b.03.05	Cơ chế đồng quản lý giữa chủ rừng với các tổ chức xã hội
II		2b		2b.03		2b.03.06	Cơ chế đồng quản lý giữa chủ rừng và lực lượng khác
II		2b		2b.04	Các mô hình QL BVR do cộng đồng thực hiện	2b.04.00	Sự tồn tại của các mô hình RCĐ
II		2b		2b.04		2b.04.01	Đánh giá hiệu quả của các mô hình (nếu có)
II		2b		2b.04		2b.04.02	Các quy chế hoặc hướng dẫn xây dựng mô hình quản lý rừng cộng đồng?
II		2b		2b.05	Thực hiện các nguyên tắc quản lý rừng bền vững và hướng tới chứng chỉ FSC/PEFC	2b.05.00	Kết quả thực hiện
II		2b		2b.06	Mức độ đáp ứng các quyền tiếp cận và sở hữu đối với rừng/đất rừng cho hộ gia đình và cộng đồng	2b.06.01	Có các quy định hay quyền truyền thống liên quan đến rừng/đất rừng hay không? Có được thừa nhận chính thức?
II		2b		2b.07	Quyền của cộng đồng đối với rừng/đất rừng	2b.07.01	Có quyền tiếp cận
II		2b		2b.07		2b.07.02	Có quyền sử dụng
II		2b		2b.07		2b.07.03	Có quyền quản lý
II		2b		2b.07		2b.07.04	Có quyền định đoạt
II		2b		2b.07		2b.07.05	Có quyền chuyển nhượng
II		2b		2b.08	Quyền của hộ gia đình đối với rừng/đất rừng	2b.08.01	Có quyền tiếp cận
II		2b		2b.08		2b.08.02	Có quyền sử dụng
II		2b		2b.08	Quyền của hộ gia đình đối với rừng/đất rừng	2b.08.03	Có quyền quản lý
II		2b		2b.08		2b.08.04	Có quyền định đoạt
II		2b		2b.08		2b.08.05	Có quyền chuyển nhượng
II			2c	Xác lập quá trình và ưu tiên cho thực hiện REDD+ địa phương	2c.01	Kế hoạch hành động REDD+ Cấp tỉnh	2c.01.00
II	2c		2c.01		2c.01.01		Nêu có, nguồn kinh phí thực hiện
II	2c		2c.02		Dự án/hoạt động REDD+ tại địa phương	2c.02.00	Có/không?
II	2c		2c.02			2c.02.01	Cho biết thách thức, khó khăn khi triển khai?

II	PHẦN II HỆ THỐNG THỂ CHẾ VÀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ, BẢO VỆ RỪNG CẤP TỈNH	2d	Hợp tác và điều phối quản lý bảo vệ rừng	2d.01	Phối hợp các cơ quan cấp tỉnh thực hiện các hoạt động lâm nghiệp	2d.01.01	Lập quy hoạch, kế hoạch QLBR
II		2d		2d.01		2d.01.02	Lập kế hoạch giao đất, giao rừng
II		2d		2d.01		2d.01.03	Nâng cao nhận thức về chính sách pháp luật QLBR
II		2d		2d.01		2d.01.04	Thực thi luật pháp về quản lý, bảo vệ rừng, quản lý lâm sản và PCCCR
II		2d		2d.02	Thể chế hóa các hoạt động hợp tác, phối hợp trong quản lý, bảo vệ rừng cấp tỉnh	2d.02.00	Các văn kiện, chương trình hợp tác, phối hợp với các tổ chức xã hội để tăng cường hiệu quả của công tác QLBR trên địa bàn tỉnh
II		2d		2d.03	Phối hợp các cơ quan cấp huyện thực hiện các hoạt động lâm nghiệp	2d.03.01	Lập quy hoạch, kế hoạch QLBR
II		2d		2d.03		2d.03.02	Lập kế hoạch giao đất, giao rừng
II		2d		2d.03		2d.03.03	Nâng cao nhận thức về chính sách pháp luật QLBR
II		2d		2d.03		2d.03.04	Thực thi luật pháp về quản lý, bảo vệ rừng, quản lý lâm sản và PCCCR
II	2d	2d.04	Thể chế hóa các hoạt động hợp tác, phối hợp trong quản lý, bảo vệ rừng cấp huyện	2d.04.00	Các văn kiện, chương trình hợp tác, phối hợp với các tổ chức xã hội để tăng cường hiệu quả của công tác QLBR trên địa bàn huyện		
II	PHẦN II HỆ THỐNG THỂ CHẾ VÀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ, BẢO VỆ RỪNG CẤP TỈNH	2e	Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin lâm nghiệp	2e.01	Mức độ đầy đủ và cập nhật thông tin về chủ trương, chính sách và quy định về hoạt động lâm nghiệp, quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh	2e.01.00	Thông tin được cập nhật trên trang tin điện tử của UBND tỉnh, Sở NNPTNT hoặc website của các cơ quan liên quan khác
II		2e		2e.02	Đánh giá khả năng tiếp cận thông tin liên quan đến lâm nghiệp trên đài phát thanh truyền hình địa phương	2e.01.00	Chương trình phát thanh - truyền hình bằng tiếng địa phương
II		2e		2e.02		2e.01.01	Mức độ hoạt động thường xuyên của đài phát thanh tỉnh
II		2e		2e.02		2e.01.02	Mức độ hoạt động thường xuyên của đài phát thanh huyện
II		2e		2e.03	Hoạt động thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho chính quyền, cộng đồng địa phương về QLBR của HKL và chủ rừng tổ chức	2e.03.00	Có/không?
II		2e		2e.03	2e.03	2e.03.01	Hình thức tuyên truyền
II		2e		2e.03		2e.03.02	Mức độ thường xuyên của hoạt động

II		2e		2e.04	Kênh phản hồi thông tin lâm nghiệp (đường dây nóng)	2e.04.00	Có/không?
II		2e		2e.05	Mức độ nhận thức và tiếp cận thông tin lâm nghiệp của hộ gia đình tại các thôn/bản	2e.05.01	Lý do chính khiến người dân tham gia bảo vệ rừng
II		2e		2e.05		2e.05.02	Kênh tiếp cận thông tin lâm nghiệp
II		2e		2e.05		2e.05.03	Mức độ sẵn sàng khi tham gia bảo vệ rừng
II	PHẦN II HỆ THỐNG THỂ CHẾ VÀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ, BẢO VỆ RỪNG CẤP TỈNH	2f	Thực thi lâm luật và quản lý bảo vệ phát triển rừng tại địa phương	2f.01	Hiệu quả quản lý bảo vệ rừng của từng nhóm chủ rừng tại địa phương	2f.01.01	Hộ gia đình
II		2f		2f.01		2f.01.02	Cộng đồng
II		2f		2f.01		2f.01.03	Ban quản lý RPH
II		2f		2f.01		2f.01.04	Ban quản lý RĐD
II		2f		2f.01		2f.01.05	Công ty lâm nghiệp
II		2f		2f.01		2f.01.06	Tổ chức kinh tế khác
II		2f		2f.01		2f.01.07	UBND xã
II		2f		2f.01		2f.01.08	Công an, quân đội
II		2f		2f.02	Nguồn lực nhà nước đầu tư quản lý bảo vệ rừng	2f.02.00	Biên chế kiểm lâm
II	2f	2f.03	Kết quả thực thi lâm luật QLBR trong 5 năm gần đây	2f.03.00	-		
II	PHẦN II HỆ THỐNG THỂ CHẾ VÀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ, BẢO	2g	Hệ thống giám sát và thu thập thông tin lâm nghiệp địa phương	2g.01	Hệ thống quan trắc/giám sát thay đổi hiện trạng rừng của địa phương	2g.01.00	Có/không?
II		2g		2g.01		2g.01.01	Nếu có, cơ quan thực hiện
II		2g		2g.01	2g.01.02	Nếu có, báo cáo kết quả	
II		2g		2g.02	Báo cáo thông tin và kết quả quan trắc có công bố công khai hay không	2g.02.00	Có/không?
II		2g		2g.02		2g.02.01	Nếu có, định kỳ báo cáo?
II		2g		2g.02		2g.02.02	Nếu có, mức độ cập nhật và đầy đủ thông tin?
II		2g		2g.02	2g.02.03	Nếu có, có thể tiếp cận ở đâu?	
II	2g	2g.03	Sử dụng công nghệ, kỹ thuật vệ tinh hỗ trợ hoạt động quan trắc	2g.03.00	Có/không?		

II	VỀ RỪNG CẤP TỈNH	2g		2g.04	Thách thức, khó khăn của quá trình vận hành, xây dựng hệ thống quan trắc	2g.04.00	-
II		2h	Giá trị kinh tế của hoạt động lâm nghiệp địa phương	2h.01	Giá trị sản xuất và tỷ trọng đóng góp của ngành lâm nghiệp hàng năm cho nền kinh tế của tỉnh trong 5 năm gần đây	2h.01.00	-
II		2h		2h.02	Giá trị thu nhập trung bình hàng năm từ hoạt động lâm nghiệp địa phương	2h.02.00	-
II		2h		2h.03	Giá trị thu nhập trung bình hàng năm tính theo đơn vị diện tích tại địa phương khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất tự nhiên	2h.03.01	Trồng cao su
II		2h		2h.03		2h.03.02	Trồng cà phê
II		2h		2h.03		2h.03.03	Trồng sắn
II		2h		2h.03		2h.03.04	Trồng lúa cận
II		2h		2h.03		2h.03.05	Trồng rừng sản xuất
II		2h		2h.04	Xu hướng thay đổi giá trị khai thác lâm sản của ngành lâm nghiệp	2h.04.00	-

PHẦN 3 – HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG CHO THỰC HIỆN REDD+ CẤP TỈNH

PHẦN	Lĩnh vực đánh giá	Chỉ số	Tiêu chí đánh giá	Câu hỏi				
III	PHẦN III - HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG ĐỊA PHƯƠNG CHO REDD+	3a	Diện tích, phân loại và chất lượng tài nguyên rừng địa phương	3a.01	Thống kê diện tích rừng của tỉnh	3a.01.01	Tỷ lệ phân loại rừng theo tính chất (% RTN)	
III		3a		3a.01		3a.01.02	Tỷ lệ giữa các loại rừng	
III		3a		3a.02	Cơ cấu rừng tự nhiên phân theo chất lượng rừng	3a.02.00	Tỷ lệ rừng giàu, rừng trung bình và nghèo	
III		3b	Phạm vi và xu hướng mất rừng tại địa phương	3b.01	Xu hướng mất rừng và suy thoái rừng trong 5 năm	3b.01.00	Diện tích rừng bị mất/suy thoái trong thời gian 5 năm	
III		3b		3b.02	Xu hướng tăng trưởng của rừng trong 5 năm	3b.02.00	Thay đổi tỷ lệ che phủ rừng	
III		3b		Rủi ro mất rừng do chuyển đổi mục đích sử dụng phân theo các loại dự án	3b.03		3b.03.01	Xây thủy điện, hồ đập
III		3b			3b.03.02		Khai thác khoáng sản	
III		3b			3b.03.03		Trồng cao su	
III		3b			3b.03.04		Trồng cà phê, chè	
III		3b			3b.03.05		Trồng mía, sắn và cây kinh tế khác	
III		3b			3b.03.06		Nuôi trồng thủy sản	
III		3b			3b.03.07		Xây dựng cơ sở hạ tầng	
III		3b			3b.03.08		Tái định cư/xây dựng khu dân cư	
III		3c	Hỗ trợ và thúc đẩy công tác trồng rừng tại địa phương	3c.01	Tổng mức đầu tư và kết quả đạt được đối với diện tích trồng mới và phục hồi rừng hàng năm	3c.01.00	Hiệu quả của hoạt động trồng mới và phục hồi rừng	
III		3d	Mức độ dễ bị tổn thương của rừng trước tác động của hoạt động của con người và BĐKH	Mức độ dễ bị thương do các điều kiện thời tiết cực đoan	3d.01		3d.01.01	Rủi ro từ các vụ cháy rừng
III		3d			3d.01.02		Nguy cơ cháy rừng	
III		3d			3d.01.03		Rủi ro từ sạt lở đất	
III		3d			3d.01.04		Rủi ro từ phát nương làm rẫy	
III		3d			3d.01.05		Rủi ro do BĐKH	

PHẦN 4: HIỆN TRẠNG XÃ HỘI CHO THỰC HIỆN REDD+ CẤP TỈNH

PHẦN	Lĩnh vực đánh giá	Chỉ số	Tiêu chí đánh giá	Câu hỏi			
IV	PHẦN IV - HIỆN TRẠNG KINH TẾ XÃ HỘI ĐỊA PHƯƠNG CHO REDD+	4a	Dân số, dân tộc thiểu số và tình trạng đói nghèo tại địa phương	4a.01	Cơ cấu dân số, dân cư của tỉnh nói chung và đồng bào DTTS	4a.01.01	Tỷ lệ DTTS/tổng số dân địa phương
IV		4a		4a.02	Mức thu nhập bình quân hàng năm tính theo đầu người và tỷ lệ đói nghèo	4a.02.01	Tỷ lệ thu nhập từ nông, lâm thủy sản so với tổng thu trung bình đầu người/tháng
IV		4a		4a.02		4a.02.02	Tỷ lệ nghèo của tỉnh
IV		4b	Sinh kế và lao động trong lĩnh vực lâm nghiệp	4b.01	Số lao động do hoạt động lâm nghiệp tạo ra hàng năm trên địa bàn tỉnh	4b.01.00	-
IV		4b		4b.02	QH khu vực và diện tích đất canh tác nương rẫy cho các hộ gia đình và cộng đồng	4b.02.00	-
IV		4b		4b.03	Mức thu nhập trung bình (mức độ phụ thuộc vào rừng của người dân địa phương)	4b.03.00	-
IV	PHẦN IV - HIỆN TRẠNG KINH TẾ XÃ HỘI ĐỊA PHƯƠNG CHO REDD+	4c	Quyền sử dụng đất, tranh chấp và giải quyết tranh chấp tài nguyên đất/rừng	4c.01	Mức độ phổ biến của các loại tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện	4c.01.01	Tranh chấp ranh giới
IV		4c				4c.01.02	Tranh chấp quyền khai thác, sử dụng với chủ rừng nhà nước và tổ chức kinh tế khác
IV		4c				4c.01.03	Tranh chấp quyền khai thác, sử dụng giữa các cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng
IV		4c				4c.01.04	Khiếu nại giá đền bù, bồi thường khi thu hồi đất/rừng hoặc bị thiệt hại
IV		4c				4c.01.05	Tổ cáo nghi ngờ tham nhũng
IV		4c		4c.02	Khả năng giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện	4c.02.01	Tranh chấp ranh giới
IV		4c		4c.02.02		Tranh chấp quyền khai thác, sử dụng với chủ rừng nhà nước và tổ chức kinh tế khác	
IV		4c		4c.02.03		Tranh chấp quyền khai thác, sử dụng giữa các cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng	

IV		4c		4c.02		4c.02.04	Khiếu nại giá đền bù, bồi thường khi thu hồi đất/rừng hoặc bị thiệt hại		
IV		4c		4c.02		4c.02.05	Tổ cáo nghi ngờ tham nhũng		
IV	PHẦN IV - HIỆN TRẠNG KINH TẾ XÃ HỘI ĐỊA PHƯƠNG CHO REDD+	4d	Sự tham gia của người dân, cộng đồng và chính quyền địa phương trong QLBR	4d.01	Mức độ tham gia của người dân và cộng đồng địa phương	4d.01.01	Lập kế hoạch QLBR cấp xã		
IV		4d		4d.01		4d.01.02	Giao đất - giao rừng cho hộ gia đình và cộng đồng		
IV		4d		4d.01		4d.01.03	Giao khoán quản lý, bảo vệ rừng		
IV		4d		4d.01		4d.01.04	Thu hồi đất, do doanh nghiệp thuê rừng		
IV		4d		4d.01		4d.01.05	Chi trả dịch vụ môi trường rừng		
IV		4d		4d.01		4d.01.06	Tuần tra bảo vệ rừng tại địa bàn		
IV		4d		4d.01		4d.01.07	Giám sát thực thi pháp luật QLBR		
IV		4d		4d.01		4d.01.08	PCCCR		
IV		4d		4d.01		4d.01.09	Các dự án/hoạt động khác		
IV		4d		4d.02		Mức độ tham gia của chính quyền địa phương trong công tác quản lý bảo vệ rừng	4d.02.01	Lập kế hoạch QLBR cấp xã	
IV		4d		4d.02	4d.02.02		Giao đất - giao rừng cho hộ gia đình và cộng đồng		
IV		4d		4d.02	4d.02.03		Giao khoán quản lý, bảo vệ rừng		
IV		4d		4d.02	4d.02.04		Thu hồi đất, do doanh nghiệp thuê rừng		
IV		4d		4d.02	4d.02.05		Chi trả dịch vụ môi trường rừng		
IV		4d		4d.02	4d.02.06		Tuần tra bảo vệ rừng tại địa bàn		
IV		4d		4d.02	4d.02.07		Giám sát thực thi pháp luật QLBR		
IV		4d		4d.02	4d.02.08		PCCCR		
IV		4d		4d.02	4d.02.09		Các dự án/hoạt động khác		
IV		PHẦN IV - HIỆN TRẠNG KINH TẾ XÃ HỘI ĐỊA PHƯƠNG CHO REDD+		4e	Vai trò của giới và mức độ liên quan đến hoạt động lâm nghiệp		4e.01	Chính sách hoặc quy định riêng cho phụ nữ tham gia trong các chính sách, chương trình, dự án lâm nghiệp thực hiện tại địa phương	4e.01.00
IV				4e		4e.02	Vai trò và sự tham gia của Hội phụ nữ trong các hoạt động lâm nghiệp địa phương	4e.02.01	Lập kế hoạch QLBR cấp xã
IV	4e		4e.02	4e.02.02		Giao đất - giao rừng cho hộ gia đình và cộng đồng			

IV		4e	4e.02		4e.02.03	Giao khoán quản lý, bảo vệ rừng
IV		4e	4e.02		4e.02.04	Thu hồi đất, do doanh nghiệp thuê rừng
IV		4e	4e.02		4e.02.05	Chi trả dịch vụ môi trường rừng
IV		4e	4e.02		4e.02.06	Tuần tra bảo vệ rừng tại địa bàn
IV		4e	4e.02		4e.02.07	Giám sát thực thi pháp luật QLBR
IV		4e	4e.02		4e.02.08	PCCCR
IV		4e	4e.02		4e.02.09	Các dự án/hoạt động khác
IV		4e	4e.03	Vai trò của phụ nữ trực tiếp tham gia hoạt động lâm nghiệp và QLBR trong các cơ quan nhà nước địa phương	4e.03.00	-
IV		4e	4e.04	Vai trò của phụ nữ trong tiếp cận, sử dụng và tài nguyên rừng và đất rừng	4e.04.02	Ai là người đứng tên trong sổ đỏ
IV		4e	4e.04		4e.04.04	Cơ hội tiếp cận và sử dụng các sản phẩm từ rừng
IV		4e	4e.05	Mức độ tác động dự án và hoạt động lâm nghiệp đến sự phát triển phụ nữ nông thôn, miền núi	4e.05.00	-
IV		4e	4e.06	Cơ hội và thách thức nhằm tăng cường vai trò của phụ nữ trong hoạt động lâm nghiệp	4e.06.00	-